

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/DS-ST
Ngày: 25-7-2025
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Sương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Tài

2. Bà Linh Thị Ngọc Thạch

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký viên - Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Anh Đức – Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 403/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 207/2025/QĐST-DS ngày 30/6/2025, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (N)

Trụ sở chính: 25 L, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật:

Bà Bùi Thị Thanh H- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Hữu C - CV: Phó Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ

Địa chỉ: 1 N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 950/2024/UQ-CTHĐQT ngày 08/04/2024 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Q về việc thực hiện các công việc liên quan đến việc tham gia tố tụng tại Tòa án và Thi hành án).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

1. Ông Nguyễn Đình H1 - Trưởng bộ phận xử lý nợ.

2. Ông Võ Xuân K - Chuyên viên xử lý nợ. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ liên hệ: Số G P, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

* *Bị đơn*: Ông **Trần Quang H2**, sinh năm 1994; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Chà Rang, xã Suối Cao, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
(Nay là xã Xuân Thành, tỉnh Đồng Nai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông Trần Quang H2 vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (Sau đây viết tắt là N) – Chi nhánh Đ theo Hợp đồng cho vay số 105/22/HĐCV-9375 ký ngày 14/06/2022; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 01/KUNN/105/22/HĐCV-9375 ký ngày 15/06/2022 (Sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng), với số tiền: 1.740.000.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm bốn mươi triệu đồng); Thời hạn vay: 120 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân; Mục đích vay vốn: Hoàn tiền mua bất động sản tại thửa đất 187, Tờ bản đồ số 17; tọa lạc tại địa chỉ: xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Lãi suất vay kỳ đầu tiên: lãi suất vay kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 15/09/2022 là 12,50%/năm; Lãi suất vay kỳ tiếp theo: Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay của khách hàng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức LSV bằng (=) lãi suất cơ sở cộng (+) 4,20%/ năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất vay; Lãi suất chậm trả lãi: Số tiền lãi phải trả nhưng chưa trả nhân (x) 10% nhân (x) số ngày chậm trả lãi (:) 365 ngày.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông Trần Quang H2 đã ký kết với N Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 105/22/HĐTC-9375 ký ngày 14/06/2022 được công chứng tại Văn phòng C1, số công chứng 1346, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 14/06/2022. Theo đó, ông Trần Quang H2 thế chấp cho N quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 187, tờ bản đồ số 17, diện tích 4363,8 m², tọa lạc tại xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 159080, số vào sổ cấp GCN: CS 16160 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 08/01/2022, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh X xác nhận chuyển nhượng vào ngày **20/05/2022 cho ông Trần Quang H2. Tài sản đảm bảo được** đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ ngày 15/06/2022; Biên bản thỏa thuận giá trị tài sản số 105/22/BBTTGTTS-9375 ký ngày 14/06/2022.

Ngày 15/6/2022, Ngân hàng TMCP Q đã giải ngân tổng số tiền 1.740.000.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm bốn mươi triệu đồng) theo yêu cầu của ông Trần Quang H2. Tính đến ngày 25/11/2022, ông Trần Quang H2 đã trả cho N tổng số tiền là: 124.707.158 đồng (trong đó nợ gốc 24.963.700 đồng và nợ lãi 99.743.458 đồng). Kể từ ngày 26/11/2022 đến nay thì ông H2 không trả nợ lãi cũng như nợ gốc cho N theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Do ông Trần Quang H2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên NCB đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn từ ngày 26/12/2022, đồng thời thông báo đến ông Trần Quang H2 được biết.

N đã nhiều lần tạo điều kiện, đôn đốc ông Trần Quang H2 trả nợ, nhưng ông Trần Quang H2 không thực hiện nên đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của N. Ngày 10/09/2024 N đã gửi thông báo khởi kiện cho ông Trần Quang H2.

Tạm tính đến ngày 25/07/2025, ông Trần Quang H2 còn nợ N tổng số tiền: 2.481.723.801 đồng (*Hai tỷ, bốn trăm tám mươi một triệu, bảy trăm hai mươi ba nghìn, tám trăm lẻ một đồng*) (Trong đó, nợ gốc: 1.715.036.300 đồng; Lãi trong hạn: 572.016.035 đồng; Lãi quá hạn: 113.704.762 đồng; Lãi chậm trả lãi: 80.966.704 đồng). Nay Ngân hàng TMCP Q yêu cầu ông Trần Quang H2 phải trả cho N toàn bộ số tiền trên; các khoản nợ lãi phát sinh theo quy định tại Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 26/07/2025 cho đến khi ông Trần Quang H2 trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

Trường hợp ông Trần Quang H2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, thì NCB được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 187; tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai), theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 105/22/HĐTC-9375 ngày 14/06/2022.

Về chi phí tố tụng: NCB yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 16/01/2025, bị đơn ông Trần Quang H2 trình bày:

Ông Trần Quang H2 thống nhất về việc ký kết Hợp đồng tín dụng với N vào năm 2022, thống nhất số tiền vay là 1.740.000.000 đồng và dư nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 18/9/2024 là 2.223.680.338 đồng. Ông Trần Quang H2 đồng ý trả toàn bộ số nợ trên cho N và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của N.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã cơ bản thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trong quá trình giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ việc.

Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ những nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ việc.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng, cung cấp chứng cứ cho Tòa án để chứng minh những yêu cầu hợp pháp của mình là thực hiện đúng các quy định tại Điều 68, 70, 71, 85, 86, 91, 96, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 68, 70, 71, 85, 86, 91, 96, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng áp dụng các điều 280, 299, 320, 323, 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc theo hợp đồng tín dụng và nợ lãi theo quy định pháp luật; buộc bị đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Đại diện nguyên đơn là ông Võ Xuân K có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Trần Quang H2 đã được Tòa án triệu tập họp hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng TMCP Q yêu cầu ông Trần Quang H2 trả nợ khoản vay. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện X, các bên tranh chấp hợp đồng tín dụng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[4.1] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp thể hiện: Ông Trần Quang H2 có ký kết với N – Chi nhánh Đ theo Hợp đồng cho vay số 105/22/HĐCV-9375 ký ngày 14/06/2022; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 01/KUNN/105/22/HĐCV-9375 ký ngày 15/06/2022, với số tiền: 1.740.000.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm bốn mươi triệu đồng); Thời hạn vay: 120 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân; Mục đích vay vốn: Hoàn tiền mua bất động sản tại thửa đất 187, Tờ bản đồ số 17; tọa lạc tại địa chỉ: xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai (Nay là xã X, tỉnh Đồng Nai); Lãi suất vay kỳ đầu tiên: Lãi suất vay kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 15/09/2022 là 12,50%/năm; Lãi suất vay kỳ tiếp theo: Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay của khách hàng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức LSV bằng (=) lãi suất cơ sở cộng (+) 4,20%/ năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất vay; Lãi suất chậm trả lãi: Số tiền lãi phải trả nhưng chưa trả

nhân (x) 10% nhân (x) số ngày chậm trả lãi (:) 365 ngày. Như vậy, việc ký kết hợp đồng tín dụng nêu trên dựa trên tinh thần tự nguyện giữa các bên và phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, **bổ sung năm 2017**).

[4.2] Để bảo đảm cho các khoản vay nêu trên, bị đơn đã ký kết với N Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 105/22/HĐTC-9375 ký ngày 14/06/2022 được công chứng tại Văn phòng C1, số công chứng 1346, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 14/06/2022. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 187, tờ bản đồ số 17, diện tích 4363,8 m², tọa lạc tại xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai (Nay là xã X, tỉnh Đồng Nai); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 159080, số vào sổ cấp GCN: CS 16160 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 08/01/2022, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh X xác nhận chuyển nhượng vào ngày **20/05/2022 cho ông Trần Quang H2. Tài sản đảm bảo được** đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ ngày 15/06/2022 nên việc ký kết hợp đồng thế chấp tài sản và thủ tục đăng ký tài sản đảm bảo là đúng quy định pháp luật.

[4.3] Tại giấy ủy nhiệm chi ngày 15/6/2022 thể hiện: Sau khi các bên ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Trần Quang H2 tổng số tiền vay là 1.740.000.000 đồng. Tại bản kê tính lãi và tổng tiền phải trả đối với khoản vay của ông Trần Quang H2 thể hiện: Tính đến ngày 25/11/2022, ông Trần Quang H2 đã trả cho N tổng số tiền là: 124.707.158 đồng (trong đó nợ gốc 24.963.700 đồng và nợ lãi 99.743.458 đồng). Dư nợ khoản vay theo Hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 25/07/2025 là: 2.481.723.801 đồng (*Hai tỷ, bốn trăm tám mươi một triệu, bảy trăm hai mươi ba nghìn, tám trăm lẻ một đồng*) (Trong đó, nợ gốc: 1.715.036.300 đồng; Lãi trong hạn: 572.016.035 đồng; Lãi quá hạn: 113.704.762 đồng; Lãi chậm trả lãi: 80.966.704 đồng).

[5] Ông Trần Quang H2 thừa nhận việc ký kết hợp đồng tín dụng với N, số tiền lãi đã trả và dư nợ gốc, nợ lãi theo đơn khởi kiện của ngân hàng. Ông Trần Quang H2 đồng ý trả số tiền nợ gốc, nợ lãi cho N và đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của N. Do đó, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về chi phí tố tụng:

Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng tổng số tiền là 3.000.000 đồng (gồm chi phí thu thập tài liệu, chứng cứ tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh X: 273.000 đồng; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 2.727.000 đồng). Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu chi phí tố tụng và có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền 3.000.000 đồng trên.

[7] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận, nên ông Trần Quang H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **81.634.476** đồng (*Tám mươi một triệu sáu trăm ba mươi bốn ngàn bốn trăm bảy mươi sáu đồng*).

[8] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai phù hợp với tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 30, 35, 39, 155, 156; 157; 227; 228; 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các điều 280, 299, 320, 323, 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167, 168 Luật Đất đai năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2018); Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q đối với bị đơn là ông Trần Quang H2 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

1.1. Buộc ông Trần Quang H2 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q tổng số tiền **2.481.723.801** đồng (*Hai tỷ, bốn trăm tám mươi một triệu, bảy trăm hai mươi ba nghìn, tám trăm lẻ một đồng*) (Trong đó, nợ gốc: 1.715.036.300 đồng; Lãi tạm tính đến ngày 25/7/2025 gồm: trong hạn: 572.016.035 đồng; Lãi quá hạn: 113.704.762 đồng; Lãi chậm trả lãi: 80.966.704 đồng).

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Trần Quang H2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, lãi chậm trả theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 105/22/HĐCV-9375 ký ngày 14/06/2022; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 01/KUNN/105/22/HĐCV-9375 ký ngày 15/06/2022.

1.3. Trường hợp ông Trần Quang H2 không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ trên, thì N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 187, tờ bản đồ số 17, diện tích 4363,8 m², tọa lạc tại xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai (Nay là xã X, tỉnh Đồng Nai); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 159080, số vào sổ cấp GCN: CS 16160 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 08/01/2022, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh X xác nhận chuyển nhượng vào ngày **20/05/2022 cho ông Trần Quang H2 (Theo** Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 105/22/HĐTC-9375 ký ngày 14/06/2022 được công chứng tại Văn phòng C1, số công chứng 1346, quyền số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 14/06/2022).

1.4. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Trần Quang H2 phải trả cho N số tiền chi phí tố tụng là **3.000.000** đồng (*Ba triệu đồng*).

2. Về án phí: Ông Trần Quang H2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền: **81.634.476** đồng (*T mười một triệu sáu trăm ba mươi bốn ngàn bốn trăm bảy mươi sáu đồng*).

Hoàn trả cho N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 38.236.000 đồng (*Ba mươi tám triệu hai trăm ba mươi sáu ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0026272 ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Đồng Nai).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND KV6-Đồng Nai;
- Phòng THADS KV6-Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Thị Sương